TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2025
"v/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Lê Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Thế Sự – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa*:* Bà Huỳnh Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Anh Đ, sinh năm 1997 (CCCD 072197009552 ngày 21/82022). Địa chỉ: Số A, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là số A, ấp M, xã B, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn B, sinh năm 1991 (CCCD 072091000688 ngày 29/9/2022). Địa chỉ: Số A, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là số A, ấp M, xã B, tỉnh Tây Ninh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2025 và tại các biên bản lấy lời khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Anh Đ ***đã trình bày***:

- Về mối quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Dương Văn B qua một thời gian tìm hiểu thấy hợp nhau nên chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2022; có đăng

ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 66/2022 ngày 30/11/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp với nhau. Mặc dù vợ chồng tự hòa giải và gia đình cha mẹ hai bên cũng đã hòa giải cho nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Chị Đ thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn nên chị Đ yêu cầu ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị Đ và anh B không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị Đ và anh B không có tài sản chung.
- Về nợ chung: Chị Đ cam kết giữa chị Đ và anh B không có nợ chung.

Bị đơn – anh Dương Văn B**:** Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Anh Đ đối với anh Dương Văn B.

Về con chung: Chị Trần Thị Anh Đ trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Anh Đ trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Dương Văn B không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Dương Văn B là tranh chấp được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Dương Văn B có nơi cư trú tại Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp M, xã B, tỉnh Tây Ninh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh Tây Ninh theo qui định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị Trần Thị Anh Đ và anh Dương Văn B vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Đ, anh B là đúng qui định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về mối quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Anh Đ và anh Dương Văn B tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh (nay là UBND xã B, tỉnh Tây Ninh) và được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66/2022, ngày 30/11/2022 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Trần Thị Anh Đ: Chị Đ trình bày, chị Đ và anh B chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Đ, anh B tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên gây gổ mất hạnh phúc gia đình, chị Đ và anh B ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Lời trình bày của chị Đ phù hợp với lời khai của người làm chứng nên có căn cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn chị Đ và anh B như chị Đ trình bày. Mặt khác, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã cấp, tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần cho anh B, nhưng anh B không đến, không trình bày ý kiến hoặc cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, điều này thể hiện anh B không có thiện chí hoà giải, đoàn tụ và không có giải pháp hàn gắn. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh B đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục

đích hôn nhan không đạt được. Do đó, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Trần Thị Anh Đ trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Anh Đ trình bày không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh B không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Anh Đ đối với anh Dương Văn B. Chị Trần Thị Anh Đ được ly hôn với anh Dương Văn B.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Anh Đ đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0012558 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh). Anh Dương Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Anh Đ và anh Dương Văn B có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bàn án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 12 – Tây Ninh;
- UBND thị trấn Bến Cầu – huyện Bến Cầu (số: 66/2020, ngày 30/11/2022), nay là xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trang Thái Châu